

Bản án số: 19/2019/DS-ST

Trong các ngày: 28 - 30/8/2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Tưởng Ngọc Tuấn**

Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Ngọc Quý**

Ông **Trần Trung Úy**

Thư ký phiên toà: Ông **Tô Mạnh Hà** – Thư ký TAND huyện Chương Mỹ.

Đại diện VKSND huyện Chương Mỹ tham gia phiên toà: Bà **Triệu Thị Hồng** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ 28 - 30/8 /2019, tại trụ sở TAND huyện Chương Mỹ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 55/2019/TLST-DSST ngày 01 tháng 7 năm 2019 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21 /2019/QĐXX – DS, ngày 05/8/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Techcombank); Địa chỉ: Số 191 phố Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng Anh – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Việt Phương, bà Phạm Thùy Linh, ông Nguyễn Công Hiếu. Có mặt ông Lê Việt Phương.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1960. Có mặt.

2.2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960. Vắng mặt.

Đều trú tại: Số 32, tổ 1, khu Xuân Hà, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1960. Có mặt

3.2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960. Vắng mặt

3.3. Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1987. Vắng mặt.

3.4. Anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1989. Vắng mặt.

3.5. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989. Vắng mặt

3.6. Chị Nguyễn Thị D sinh năm 1991. Vắng mặt

Đều trú tại: Số 32, tổ 1, khu Xuân Hà, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện nộp tại Tòa án và quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa; Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:

Quá trình ký kết hợp đồng:

Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Gọi tắt là Techcombank) ký kết hai Hợp đồng tín dụng với vợ chồng ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị H, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 47933/HĐTD/TH-TN/TCB TTB ngày 14/5/2011. Nội dung cụ thể:

- Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng (*Một tỉ đồng chẵn*);
- Mục đích vay vốn: Tiêu dùng thế chấp BĐS;
- Thời hạn vay: 120 tháng;
- Ngày đến hạn trả nợ cuối cùng: 14/5/2021;

- Lãi suất vay: Lãi suất vay linh hoạt áp dụng kể từ ngày giải ngân đầu tiên cho đến ngày 31/12/2011 là 21%/năm; thời gian tiếp theo, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/1 lần vào các ngày đầu quý và bằng lãi suất huy động tiết kiệm thường 12 tháng loại trả lãi sau của Techcombank tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 6%/năm, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được quy định bởi Ngân hàng tại từng thời kỳ, từng đối tượng khách hàng, tương ứng với thời điểm thay đổi lãi suất.

Ngày 14/3/2012, ông Nguyễn Ngọc H có đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế. Căn cứ đơn đề nghị thì Ngân hàng giải ngân cho ông H số tiền 50.000.000 đồng.

Về yêu cầu nghĩa vụ trả nợ:

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông H phải thanh toán khoản vay thẻ ngày 14/3/2012; rút yêu cầu lãi phạt chậm trả và tiền phạt vi phạm hợp đồng.

Do vậy tính đến ngày 28/8/2019 thì theo hợp đồng đã giao kết, Techcombank yêu cầu ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị H phải trả cho ngân hàng tổng số tiền còn nợ như sau:

- Nợ gốc: **899.980.000 đồng;**
- Nợ lãi trong hạn: **587.900.560 đồng;**
- Nợ lãi quá hạn: **600.228.316 đồng.**

Kể từ ngày 29/8/2019 vợ chồng ông H và bà H tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

1.2. Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, ông H, bà H đã thế chấp: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 88, tờ bản đồ số 44, diện tích 88,7 m², tại địa chỉ: Khu phố, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 907862, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00357 do UBND huyện Chương Mỹ cấp ngày 20/4/2011 và cấp cho hộ ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị H; Hợp đồng thế chấp số công chứng 2551.2011/HĐTC-TCB ngày 28/4/2011 tại Văn phòng Công chứng Thăng Long, thành phố Hà Nội, đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 29/4/2011.

Techcombank khẳng định việc ký Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên là đúng quy định pháp luật. Trong trường hợp ông H và bà H không trả được nợ, Techcombank yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp các bên đã ký kết.

II. Bị đơn – ông Hiền trình bày:

Ông xác nhận vợ chồng ông có ký hợp đồng tín dụng vay vốn tại Techcombank số tiền và thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số **47933/HĐTD/TH-TN/TCB TTB ngày 14/5/2011**, nội dung:

- Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng (*Một tỉ đồng chẵn*);
- Ngày đến hạn trả nợ cuối cùng: 14/5/2021;
- Lãi suất vay: Lãi suất vay linh hoạt áp dụng kể từ ngày giải ngân đầu tiên cho đến ngày 31/12/2011 là 21%/năm;

Về tài sản thế chấp thì ông xác nhận hộ gia đình ông có ký hợp đồng thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 88, tờ bản đồ số 44, diện tích 88,7 m², tại địa chỉ: Khu phố, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 907862, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00357 do UBND huyện Chương Mỹ cấp ngày 20/4/2011; Hợp đồng thế chấp số công chứng 2551.2011/HĐTC-TCB ngày 28/4/2011 tại Văn phòng Công chứng Thăng Long, thành phố Hà Nội, đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 29/4/2011

Ngoài ra, ngày 14/3/2012, ông có đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế, cụ thể như ngân hàng trình bày.

Do vợ chồng ông không trả được nợ nên ngân hàng đã khởi kiện đến Tòa án. Ông và gia đình cùng quan điểm đề nghị xin giãn nợ với ngân hàng và đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Đối với việc ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện ông không có ý kiến gì.

Đối với khoản nợ ngân hàng thì ông đề nghị được trả ngân hàng số nợ gốc như đã thống kê trên. Còn phần nợ lãi thì ông xin miễn toàn bộ 100% lãi vì hoàn cảnh gia đình hiện tại rất khó khăn, không có khả năng trả phần nợ gốc và lãi như ngân hàng đã thống kê.

III- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản nhưng không có ý kiến trình bày quan điểm.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Chương Mỹ thể hiện quan điểm:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tố tụng và thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã được Tòa án yêu cầu tham gia đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ;

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cụ thể:

- Buộc bị đơn phải trả nguyên đơn toàn bộ số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng là: 2.088.108.876 đồng; trong đó nợ gốc: 899.980.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 587.900.560 đồng; nợ lãi quá hạn: 600.228.316 đồng.

- Xác định Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất là có hiệu lực pháp luật và có hiệu lực thi hành.

- Ghi nhận sự tự nguyện của đại diện nguyên đơn rút yêu cầu về khoản vay thế; tiền lãi phạt chậm trả và tiền phạt vi phạm hợp đồng đối với ông H. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu trên.

Về án phí buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng:

Bị đơn là ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị H cư trú tại: Số 32, tổ 1, khu Xuân Hà, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội; Việc Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; thời điểm giao kết HĐTD, HĐTCTS, Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết tranh chấp.

Tại phiên tòa ngày 14/8/2019 vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa, tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung.

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc, tiền lãi trong hạn, quá hạn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1.1 Xét tính hiệu lực của **Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số: 47933/HĐTD/TH-TN/TCB -TTB** ngày 14/5/2011. Số tiền Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (Gọi tắt là Techcombank) cho vợ chồng ông H và bà H vay 1.000.000.000 đồng. Nội dung của Hợp đồng tuân thủ các quy định của pháp luật. Xác định Hợp đồng tín dụng số **47933/HĐTD/TH-TN/TCB -TTB** ngày

14/5/2011 có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo thoả thuận của Hợp đồng tín dụng.

2.1.2. Xét yêu cầu buộc bị đơn phải trả toàn bộ gốc, lãi phát sinh của nguyên đơn:

Thực hiện Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam đã giải ngân cho ông H và bà H vay đủ số tiền 1.000.000.000 đồng, ông H và bà H đã nhận đủ số tiền trên. Như vậy Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam đã thực hiện đúng thoả thuận trong Hợp đồng.

Đến nay vợ chồng H, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các kỳ trả nợ quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết và vẫn chưa thanh toán hết khoản vay trên. Như vậy ông H, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và bị xác định là vi phạm hợp đồng. Do đó Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam khởi kiện đề nghị buộc ông H, bà H phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ kèm theo là có căn cứ pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo đó, buộc ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam toàn bộ số tiền còn nợ cả gốc và lãi phát sinh của khoản vay tính đến 28/8/2019 là Tổng nợ phải trả là **2.088.108.876 đồng**. Cụ thể:

- Nợ gốc: **899.980.000 đồng**;
- Nợ lãi trong hạn: **587.900.560 đồng**;
- Nợ lãi quá hạn: **600.228.316 đồng**.

Kể từ ngày 29/8/2019, ông H, bà H phải tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo mức lãi suất đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký.

2.2. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp theo thoả thuận của Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản:

Đối với yêu cầu đề nghị xử lý khối tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản.

Xét Hợp đồng thế chấp số công chứng số 2551.2011/HĐTC-TCB ngày 28/4/2011 tại Văn phòng Công chứng Thăng Long, thành phố Hà Nội, đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 29/4/2011. Theo đó tài sản đảm bảo cho khoản vay của ông H và bà H là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 88, tờ bản đồ số 44, diện tích 88,7 m², thời hạn sử dụng lâu dài tại địa chỉ: Khu phố thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, Tp Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 907862, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00357 do UBND huyện Chương Mỹ cấp cho ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị H ngày 20/4/2011. Khi tham gia ký Hợp đồng thế chấp tài sản thì không bị ai ép buộc và trực tiếp ký. Hội đồng xét xử xác định các bên khi tham gia ký Hợp đồng thế chấp tài sản đã thực hiện đúng về hình thức, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Theo đó thoả thuận trong Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng số 2551.2011/HĐTC-TCB ngày 28/4/2011 tại Văn phòng Công chứng Thăng Long, thành phố Hà Nội có hiệu lực pháp luật và

các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ theo thỏa thuận của Hợp đồng thế chấp tài sản.

Do vậy yêu cầu của nguyên đơn đề nghị được xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ và phù hợp với thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản được Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo đó trường hợp ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 88, tờ bản đồ số 44, diện tích 88,7m² tại địa chỉ Khu phố, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cấp cho ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị H ngày 20/4/2011 để thu hồi khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 47933/HĐTD-TH-TN/TCB-TTB ngày 14/5/2011.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 thì:

- Ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 73.762.178 đồng.

- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 227, khoản 1 và khoản 2 Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều: 290, 342, 343, 355, 471, 474, 476, 715, 721 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 7 Điều 113, Điều 130 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ các Điều: 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 về thi hành luật đất đai năm 2003; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam.

2. Về trách nhiệm trả nợ: Buộc ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam toàn bộ số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 47933/HĐTD-TH-TN/TCB-TTB ngày 14/5/2011, tính đến ngày 28/8/2019 là **2.088.108.876 đồng (hai tỷ không trăm tám mươi tám triệu một trăm lẻ tám nghìn tám trăm bảy mươi sáu đồng)**. Trong đó:

+ Nợ gốc: **899.980.000 đồng**

+ Nợ lãi trong hạn: **587.900.560 đồng**

+ Nợ lãi quá hạn: **600.228.316 đồng**

Kể từ ngày 29/7/2019 ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị H phải tiếp tục chịu lãi đối với số tiền gốc còn nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 47933/HĐTD-TH-TN/TCB-TTB ngày 14/5/2011.

Đình chỉ đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam về việc buộc ông H và bà H phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi đối với khoản vay mở thẻ tín dụng ngày 14/3/2012; tiền phạt vi phạm hợp đồng và tiền lãi phạm chậm trả.

Về xử lý tài sản thế chấp:

3.1. Trường hợp ông H và bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không thanh toán xong khoản nợ thì Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại khối tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 88, tờ bản đồ số 44, diện tích 88,7m² tại địa chỉ Khu phố, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BD 907862 do UBND huyện Chương Mỹ cấp cho ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị H ngày 20/4/2011. Hợp đồng thế chấp tài sản công chứng số 2551.2011/HĐTC-TCB ngày 28/4/2011 tại Văn phòng Công chứng Thăng Long, thành phố Hà Nội, đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 29/4/2011.

3.2. Trường hợp sau khi phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ thì ông H và bà H vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc, lãi còn lại cho ngân hàng đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

4. Về án phí:

4.1. Ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị H phải chịu 73.762.178 đồng (*Bảy mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn một trăm bảy mươi tám đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Trả lại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam 39.000.000 đồng (ba mươi chín triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/0004124 ngày 27 tháng 6 năm 2019.

Án xử công khai sơ thẩm. Báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- THA huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- Lu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Tưởng Ngọc Tuấn